

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2008/TT-BCT

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2008

THÔNG TƯ

**hướng dẫn điều kiện kinh doanh và cấp giấy phép kinh doanh
Nitrat amôn hàm lượng cao**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Nitrat amôn hàm lượng cao là mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh. Bộ Công thương hướng dẫn điều kiện kinh doanh và cấp Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa Nitrat amôn hàm lượng cao có công thức hóa học NH_4NO_3 với hàm lượng Nitrat amôn từ 98,5% trở lên tính theo khối lượng khô.

2. Phạm vi áp dụng

Doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao chỉ được bán cho hộ tiêu thụ có Giấy đăng ký sử dụng Nitrat amôn hàm lượng cao do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Chỉ doanh nghiệp có Giấy phép kinh

doanh vật liệu nổ công nghiệp và Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao mới được bán Nitrat amôn hàm lượng cao cho doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VÀ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

1. Điều kiện kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao

Hoạt động kinh doanh mặt hàng Nitrat amôn hàm lượng cao phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Về chất lượng hàng hóa:

Nitrat amôn hàm lượng cao đưa vào kinh doanh phải thực hiện theo Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ và phải được Bộ quản lý ngành cho phép đưa vào kinh doanh.

Việc kiểm tra chất lượng Nitrat amôn hàm lượng cao thực hiện theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng.

b) Doanh nghiệp:

Doanh nghiệp được thành lập theo

quy định của pháp luật, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và có đăng ký mã số thuế.

c) Về đăng ký sử dụng hàng hóa:

Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (Nitrat amôn hàm lượng cao) của Sở quản lý ngành theo quy định tại “Quy chế quản lý an toàn đối với các máy, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp” ban hành kèm theo Quyết định số 136/2004/QĐ-BCN ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công nghiệp.

d) Điều kiện về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác:

- Các trang thiết bị, công trình, nhà kho sử dụng trong kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao phải đảm bảo các điều kiện về an toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành;

- Có quy trình kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao ban hành áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp;

- Có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao;

- Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và

nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải có Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký kết với Giám đốc doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao

a) Đối với doanh nghiệp đã có Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Bản sao Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

b) Đối với doanh nghiệp sản xuất Nitrat amôn hàm lượng cao, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Bản sao Quyết định cho phép đưa nhà máy sản xuất Nitrat amôn hàm lượng cao vào hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm Nitrat amôn hàm lượng cao do

cơ quan có thẩm quyền cấp cho nhà máy sản xuất.

c) Đối với doanh nghiệp không thuộc điểm a, b nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Bản sao đăng ký mã số thuế;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (Nitrat amôn hàm lượng cao) do Sở quản lý ngành cấp;

- Bản sao các hợp đồng lao động và danh sách của đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp làm công tác mua, bán Nitrat amôn hàm lượng cao kèm theo bản sao chứng chỉ đã học qua lớp huấn luyện quy trình kinh doanh và bồi dưỡng kiến thức kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao do doanh nghiệp tổ chức;

- Quy trình kinh doanh mặt hàng Nitrat amôn hàm lượng cao của doanh nghiệp;

- Bản sao các hợp đồng đã thực hiện

mua, bán Nitrat amôn hàm lượng cao của 03 năm gần nhất;

- Đối với doanh nghiệp có sử dụng thiết bị, nhà xưởng và công trình xây dựng khác (như nhà kho, bến bãi...) để hoạt động kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh cần phải có thêm bản sao các Giấy chứng nhận về đủ điều kiện bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của trang thiết bị, nhà xưởng và công trình xây dựng nêu trên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Thời hạn của giấy phép kinh doanh

Thời hạn của một giấy phép kinh doanh là: năm (05) năm đối với doanh nghiệp sản xuất Nitrat amôn hàm lượng cao và doanh nghiệp đã có giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; ba (03) năm đối với doanh nghiệp khác.

4. Thời gian xét cấp giấy phép kinh doanh

Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công thương cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp giấy phép.

5. Thu hồi, đổi và cấp lại giấy phép kinh doanh

a) Bộ Công thương xem xét và thu hồi giấy phép kinh doanh đã cấp đối với doanh nghiệp vi phạm pháp luật, không kinh doanh trong thời gian 1 năm liên tục, hoặc kinh doanh không đúng theo nội dung của giấy phép;

b) Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép do thay đổi tên, địa chỉ hoặc tổ chức của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải gửi giấy phép đã được cấp kèm theo đơn đề nghị, các văn bản pháp lý mới của doanh nghiệp và hồ sơ quy định tại khoản 2 Mục II của Thông tư này;

c) Khi giấy phép hết hạn, doanh nghiệp có nhu cầu cấp lại phải nộp giấy phép đã được cấp kèm theo đơn đề nghị, không phải lập lại hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Mục II của Thông tư này.

Thời hạn của giấy phép và thời gian xét cấp lại giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Mục II Thông tư này.

6. Chế độ báo cáo

Doanh nghiệp lập báo cáo kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao định kỳ 6 tháng và 1 năm gửi Sở quản lý ngành và Bộ Công thương theo quy định hiện hành. Hạn chậm nhất gửi báo cáo là ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ các quy định trước đây do Bộ Công nghiệp ban hành trái với nội dung quy định tại Thông tư này. Trong quá

trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh vướng mắc về Bộ Công thương để được xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Mẫu số 1

(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2008/TT-BCT ngày 19 tháng 02 năm 2008.)

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm 200..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao**

Kính gửi: Bộ Công thương

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

do..... cấp ngày:.....

Nội dung đăng ký kinh doanh:

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:

Căn cứ Thông tư số .../2008/TT-BCT ngày... tháng... năm 2008 của Bộ Công thương hướng dẫn điều kiện kinh doanh và cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao;

Đề nghị Bộ Công thương xét cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao cho doanh nghiệp với các nội dung chính như sau:

- Hình thức, nội dung kinh doanh: (thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao, bao gồm từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện việc mua, bán Nitrat amôn hàm lượng cao như: bán buôn, bán lẻ trực tiếp cho người tiêu thụ, bán nguyên liệu mua sản phẩm, dịch vụ cung ứng, đầu mối thủ tục dịch vụ xuất, nhập khẩu, tự mua để phục vụ nhu cầu sản xuất...).

- Quy mô kinh doanh:..... tấn/năm.

- Thời hạn kinh doanh: từ ngày.../.../200.....đến ngày.../.../200...

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao và các nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh do Bộ Công thương cấp.

(có hồ sơ kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên,

-

- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

*(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2008/TT-BCT ngày 19 tháng 02 năm 2008)***BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

GIẤY PHÉP**kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Thông tư số .../2008/TT-BCT ngày... tháng... năm 2008 của Bộ Công thương hướng dẫn điều kiện kinh doanh và cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao;

Xét đề nghị của ...(tên doanh nghiệp) tại đơn đề nghị số..... ngày.... tháng.... năm 200.... về việc cấp giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép:(tên đầy đủ của doanh nghiệp).

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

do..... cấp ngày:.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Được kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao với các nội dung chính sau đây:

- Hình thức, nội dung kinh doanh: (thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao, bao gồm từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện việc mua, bán Nitrat amôn hàm lượng cao như: bán buôn, bán lẻ trực tiếp cho người tiêu thụ, bán nguyên liệu mua sản phẩm, dịch vụ cung ứng, đầu mối thủ tục dịch vụ xuất, nhập khẩu, tự mua để phục vụ nhu cầu sản xuất...).

- Quy mô kinh doanh:..... tấn/năm.

- Thời hạn kinh doanh: từ ngày.../.../200.....đến ngày.../.../200...

Điều 2.(Tên doanh nghiệp) phải thực hiện các quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 và Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày/.../200.../.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Sở quản lý ngành tỉnh, thành phố...,
-
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG